

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~426~~.../CTHADS-VP  
V/v: chấn chỉnh việc thực hiện  
chế độ báo cáo, thống kê.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~12~~ tháng ~~11~~ năm 2015

Kính gửi:

- Trưởng các phòng chuyên môn;
- Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện.

Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, trong năm công tác 2015, hầu hết các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, thống kê trong thi hành án dân sự, nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số đơn vị thực hiện không nghiêm túc, chậm gửi các báo cáo, số liệu thống kê không đầy đủ, chính xác. Trong kỳ báo cáo 01 tháng năm 2016, một số đơn vị chậm gửi báo cáo thống kê gồm: Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Tân Phú, Bình Tân, huyện Bình Chánh (gửi ngày 05/11/2015), huyện Củ Chi (gửi ngày 06/11/2015), quận Thủ Đức (gửi ngày 09/11/2015); trong đó số liệu tiền năm trước chuyển sang của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi có chênh lệch với số chuyển kỳ sau của năm 2015. Để chấn chỉnh tình trạng này, Cục trưởng yêu cầu Trưởng các phòng chuyên môn và các Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự nghiêm túc thực hiện các nội dung sau:

1. Nghiêm túc quán triệt và thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo Thông tư số 08/2015/TT-0BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp, trong đó cần chú ý đảm bảo các số liệu thống kê của từng Chấp hành viên, của toàn thể đơn vị được chính xác, trung thực, đúng với thực tế hồ sơ thi hành án. Trưởng các phòng chuyên môn, các Chi cục trưởng có trách nhiệm kiểm tra và chịu trách nhiệm đối với số liệu thống kê của đơn vị mình.

2. Thực hiện gửi báo cáo, số liệu thống kê đúng thời hạn đã được quy định tại Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp. Theo đó các Phòng chuyên môn và Chi cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm gửi báo cáo thống kê về Cục Thi hành án dân sự Thành phố **chậm nhất là ngày 04 của kỳ báo cáo kế tiếp.**

3. Các đơn vị có số liệu thống kê năm trước chuyển sang chênh lệch giữa kỳ báo cáo năm 2015 và 01 tháng năm 2016 (*danh sách kèm theo qua hộp thư điện tử*) cần phải nghiêm túc kiểm tra, xác định rõ nguyên nhân chênh lệch, làm rõ trách nhiệm nếu có hiện tượng báo cáo không trung thực và gửi báo cáo giải trình về Cục **trước ngày 20/11/2015.**

Nhận được Công văn này, lãnh đạo các đơn vị nhanh chóng triển khai thực hiện. Nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự để chỉ đạo, giải quyết.

- Nơi nhận:
- Như trên;
  - Cục trưởng (báo cáo);
  - Lưu VT.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Võ Minh Hòa**

TỔNG CỤC THỰC HÀNH AN DÂN SỰ  
CỤC THỰC HÀNH AN DÂN SỰ TP.HCM



ĐỐI CHIẾU CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU THỐNG KÊ

STT	Đơn vị	Số chuyển kỳ và số năm trước chuyển sang				Chênh lệch		Ghi chú
		Thời điểm 30/9/2015		Thời điểm 31/10/2015		ngày 31/10 so với 30/9		
		Việc	Tiền	Việc	Tiền	Việc	Tiền	
	<b>Tổng số</b>	<b>31,189</b>	<b>36,473,414,089</b>	<b>31,187</b>	<b>36,478,563,853</b>	<b>-2</b>	<b>5,149,764</b>	
1	Phòng Nghiệp vụ 1	1,655	5,230,223,274	1,655	5,230,223,274	0	0	
2	Phòng Nghiệp vụ 2	1,779	17,893,681,038	1,777	17,893,680,870	-2	-168	đã giải trình
3	Chi cục THADS Quận 1	1,255	1,184,970,436	1,255	1,184,970,436	0	0	
4	Chi cục THADS Quận 2	492	600,101,229	492	600,101,229	0	0	
5	Chi cục THADS Quận 3	1,019	1,437,954,498	1,019	1,437,954,498	0	0	
6	Chi cục THADS Quận 4	1,323	116,166,912	1,323	116,166,912	0	0	
7	Chi cục THADS Quận 5	839	440,420,237	839	440,420,237	0	0	
8	Chi cục THADS Quận 6	725	216,147,478	725	216,147,478	0	0	
9	Chi cục THADS Quận 7	784	606,894,720	784	606,894,720	0	0	
10	Chi cục THADS Quận 8	1,600	995,036,773	1,600	995,036,773	0	0	
11	Chi cục THADS Quận 9	406	200,469,522	406	200,469,522	0	0	
12	Chi cục THADS Quận 10	1,012	157,205,355	1,012	157,205,355	0	0	
13	Chi cục THADS Quận 11	655	223,178,409	655	223,178,409	0	0	
14	Chi cục THADS Quận 12	1,328	484,443,670	1,328	484,443,670	0	0	
15	Chi cục THADS Q. Gò Vấp	1,544	661,598,856	1,544	661,598,856	0	0	
16	Chi cục THADS Q. Phú Nhuận	1,140	400,081,472	1,140	400,081,472	0	0	
17	Chi cục THADS Q. Tân Bình	1,781	713,580,529	1,781	713,580,529	0	0	
18	Chi cục THADS Q. Tân Phú	938	794,538,197	938	794,538,197	0	0	
19	Chi cục THADS Q. Thủ Đức	1,166	406,939,376	1,166	406,939,376	0	0	
20	Chi cục THADS Q. Bình Thạnh	2,188	642,614,535	2,188	642,614,535	0	0	
21	Chi cục THADS Q. Bình Tân	1,678	653,738,636	1,678	653,738,636	0	0	
22	Chi cục THADS H. Bình Chánh	1,136	827,801,782	1,136	827,801,782	0	0	
23	Chi cục THADS H. Củ Chi	2,300	806,277,792	2,300	811,427,724	0	5,149,932	chưa giải trình
24	Chi cục THADS H. Cần Giờ	293	50,183,284	293	50,183,284	0	0	
25	Chi cục THADS H. Hóc Môn	1,544	388,252,722	1,544	388,252,722	0	0	
26	Chi cục THADS H. Nhà Bè	609	340,913,357	609	340,913,357	0	0	

Ghi chú: + là thời điểm sau tăng so với thời điểm trước; - là giảm so với thời điểm trước.